

Học Kỳ II - Năm Học 2025-2026 | Lần Thi: Tổng kết Môn

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		A	L	M	F	SỐ	CHỮ	
					10%	20%	15%	55%			
1	28218280303	Trần Tuấn	Anh	HRM 303 B	9	8	8.5	3.7	5.8	Năm phẩy tám	
2	30218030579	Nguyễn Thái	Bảo	HRM 303 B	7.5	5	8.8	3	4.7	Bốn phẩy bảy	
3	29208249782	Nguyễn Thị Kim	Chi	HRM 303 B	9	8.6	8.5	1.6	4.8	Bốn phẩy tám	
4	28218426714	Đỗ Lê	Danh	HRM 303 B	7	6.8	7.3	1.3	0.0	Không	
5	30204956138	Lê Thị Kiều	Diễm	HRM 303 B	7.5	6.5	8.8	2.4	4.7	Bốn phẩy bảy	
6	30208045835	Huỳnh Ngọc Thuỳ	Dương	HRM 303 B	7.5	5.9	8.5	3.6	5.2	Năm phẩy hai	
7	29218261680	Phan Nhật	Duy	HRM 303 B	9	8.7	8	2	4.9	Bốn phẩy chín	
8	30208043243	Nguyễn Trần Phương	Duyên	HRM 303 B	1.5	0	0	1	0.0	Không	
9	29206655584	Nguyễn Châu	Giang	HRM 303 B	7.5	8.6	7.5	1.9	4.6	Bốn phẩy sáu	
10	30208162511	Trần Thị Hà	Giang	HRM 303 B	7.5	8	8.5	3.1	5.3	Năm phẩy ba	
11	30218162510	Nguyễn Văn	Giang	HRM 303 B	8	7.8	8.8	8.2	8.2	Tám phẩy hai	
12	29218047284	Nguyễn Văn	Hà	HRM 303 B	8.5	7.8	8.5	1.2	4.3	Bốn phẩy ba	
13	30208053462	Nguyễn Thị Thu	Hà	HRM 303 B	6.5	5.9	8.5	2.6	4.5	Bốn phẩy năm	
14	29208063744	Lê Thị Bảo	Hân	HRM 303 B	7.5	7.2	8.3	4.3	5.8	Năm phẩy tám	
15	29208051245	Nguyễn Thị Thu	Hằng	HRM 303 B	8	8.7	8.8	2.7	5.3	Năm phẩy ba	
16	29208152034	Lê Ngọc	Hiền	HRM 303 B	0.5	0	0	0	0.0	Không	Vắng
17	29208428873	Nguyễn Thị Thu	Hiền	HRM 303 B	7.5	7	9	5.9	6.7	Sáu phẩy bảy	
18	30208058213	Nguyễn Thanh	Hiền	HRM 303 B	0	0	0	0	0.0	Không	Vắng
19	29208037570	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	HRM 303 B	8	8	9	7.4	7.8	Bảy phẩy tám	
20	29216730816	Nguyễn Văn	Hùng	HRM 303 B	8	5	8.3	4.3	5.4	Năm phẩy bốn	
21	29218346410	Võ Tuấn	Hưng	HRM 303 B	8.5	4.8	8.8	2.2	4.3	Bốn phẩy ba	
22	30218132697	Hồ Nguyên	Hưng	HRM 303 B	9	8	8	3.3	5.5	Năm phẩy năm	
23	29208047766	Trần Thị Huỳnh	Hương	HRM 303 B	8.5	8	8.3	4.7	6.3	Sáu phẩy ba	
24	30208158019	Nguyễn Thị	Hương	HRM 303 B	8	8	8.5	5.3	6.6	Sáu phẩy sáu	
25	30206624812	Võ Thị	Hường	HRM 303 B	8	7.8	8.8	6.4	7.2	Bảy phẩy hai	
26	28211133804	Lê Đức	Huy	HRM 303 B	3.5	3.9	4.5	2.2	0.0	Không	
27	28212935636	Phạm Gia	Huy	HRM 303 B	5.5	3.8	8	4.3	4.9	Bốn phẩy chín	
28	29216634784	Phạm Phú Minh	Huy	HRM 303 B	4.5	2.8	6.8	1	0.0	Không	
29	29218264448	Lê Huỳnh Gia	Huy	HRM 303 B	10	8.9	9.3	6.7	7.9	Bảy phẩy chín	
30	29208223832	Đào Đoàn Khánh	Huyền	HRM 303 B	7	9	8.3	5.1	6.6	Sáu phẩy sáu	
31	28218150189	Trần Cao Văn	Khánh	HRM 303 B	5.5	4.3	9.3	3.6	4.8	Bốn phẩy tám	
32	29211146961	Huỳnh Bá Văn	Khuê	HRM 303 B	5.5	5	8.5	3	4.5	Bốn phẩy năm	
33	29208237233	Trần Thị Như	Lan	HRM 303 B	8	8.6	7.5	1.6	4.5	Bốn phẩy năm	
34	29208035784	Nguyễn Thị Yến	Linh	HRM 303 B	7	7.8	9.3	1.8	4.6	Bốn phẩy sáu	
35	29218155285	Trần Tấn	Lộc	HRM 303 B	7.5	7.8	8.5	7.1	7.5	Bảy phẩy năm	
36	29214556754	Lê Hoàng	Long	HRM 303 B	4.5	6.8	8.5	2.9	4.7	Bốn phẩy bảy	
37	29218049721	Nguyễn Đình	Long	HRM 303 B	6.5	7.4	8.3	2	4.5	Bốn phẩy năm	
38	28218153638	Lê Sỹ	Lương	HRM 303 B	0	0	0	0	0.0	Không	Nợ HP
39	30208062834	Nguyễn Thị Khánh	Ly	HRM 303 B	8	6.5	7.5	1.2	0.0	Không	
40	30208149235	Nguyễn Thị Thu	Mãi	HRM 303 B	7	8	9.3	4.2	6.0	Sáu	

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		A	L	M	F	SỐ	CHỮ	
					10%	20%	15%	55%			
41	30218120600	Trương Ngọc	Minh	HRM 303 B	9	7	8	3.3	5.3	Năm phẩy ba	
42	31200429142	Phùng Thị Ly	Na	HRM 303 B	10	8.7	10	4.5	6.7	Sáu phẩy bảy	
43	29206630645	Bùi Thị Minh	Ngân	HRM 303 B	8	8.7	9	7.8	8.2	Tám phẩy hai	
44	29212351926	Lê Thành	Nghĩa	HRM 303 B	8	6.4	8	2.7	4.8	Bốn phẩy tám	
45	30208022526	Đỗ Thị Bích	Ngọc	HRM 303 B	7.5	8	9.3	9.3	8.9	Tám phẩy chín	
46	29208049708	Trần Phạm Thùy	Nguyễn	HRM 303 B	7	7.8	8.5	3.4	5.4	Năm phẩy bốn	
47	29208251864	Đặng Thị Thảo	Nguyễn	HRM 303 B	7	9	8.5	3.8	5.9	Năm phẩy chín	
48	29200350160	Võ Thị Hà	Nhi	HRM 303 B	7.5	8	8.8	3.4	5.5	Năm phẩy năm	
49	29206551095	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi	HRM 303 B	6.5	2.8	8.5	0.8	0.0	Không	
50	30204848391	Huỳnh Thị Uyên	Nhi	HRM 303 B	7.5	6.6	8.5	1.7	4.3	Bốn phẩy ba	
51	28208106656	Huỳnh Tiểu	Ni	HRM 303 B	3.5	8.3	8.3	1.2	0.0	Không	
52	30208153795	Phạm Nguyễn Kiều	Oanh	HRM 303 B	7	8	8.8	2	4.7	Bốn phẩy bảy	
53	28218142468	Phạm Tấn	Quang	HRM 303 B	1	0	0	0	0.0	Không	Nợ HP
54	29218152974	Nguyễn Tuấn	Thành	HRM 303 B	6	7.4	8.3	3.9	5.5	Năm phẩy năm	
55	27207100463	Phạm Nguyên	Thảo	HRM 303 B	4.5	5.1	8.5	3.8	4.8	Bốn phẩy tám	
56	30218052910	Phan Phước	Thiện	HRM 303 B	8.5	8.1	8.5	2.9	5.3	Năm phẩy ba	
57	29216663083	Trần Văn Quốc	Thịnh	HRM 303 B	5	7.4	8.5	1.8	4.2	Bốn phẩy hai	
58	30218030144	Hồ Đắc Duy	Thịnh	HRM 303 B	7.5	5	7.8	4.2	5.2	Năm phẩy hai	
59	29218457512	Nguyễn Trần Định	Thông	HRM 303 B	4.5	5.1	8.3	1.5	0.0	Không	
60	29208046569	Nguyễn Phương	Thư	HRM 303 B	9.5	8	8.5	5.7	7.0	Bảy	
61	28206906658	Khổng Thanh	Trà	HRM 303 B	5.5	3.3	8.3	0	0.0	Không	Vắng
62	29208050105	Nguyễn Anh	Trâm	HRM 303 B	6.5	5.6	9	3.4	5.0	Năm	
63	29208243251	Trần Minh Quế	Trân	HRM 303 B	7	8.6	8	3.3	5.4	Năm phẩy bốn	
64	30204334694	Nguyễn Thị Huyền	Trân	HRM 303 B	6.5	8.3	8	0	0.0	Không	Vắng
65	29208455299	Hồ Thị Thu	Trang	HRM 303 B	10	8.7	9.5	7	8.0	Tám	
66	30208141981	Huỳnh Bảo	Trọng	HRM 303 B	8.5	8	8	4.1	5.9	Năm phẩy chín	
67	30204340638	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	HRM 303 B	10	6.4	8.5	3.4	5.4	Năm phẩy bốn	
68	30208062948	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	HRM 303 B	8.5	5	8.3	0.9	0.0	Không	
69	30218062953	Trần Ngô Thanh	Tùng	HRM 303 B	7	7.4	8.3	2.9	5.0	Năm	
70	30208158158	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	HRM 303 B	7.5	8	9.3	7.8	8.0	Tám	
71	29208056176	Phạm Hoàng Thúy	Uyên	HRM 303 B	8	7.8	9	3.7	5.7	Năm phẩy bảy	
72	30206735967	Võ Thúy	Uyên	HRM 303 B	6	5.9	8.5	2.3	4.3	Bốn phẩy ba	
73	30208162705	Lê Hoàng	Vân	HRM 303 B	7	8	8.5	5.3	6.5	Sáu phẩy năm	
74	30204355568	Phan Đồng Hoàng	Vi	HRM 303 B	1	0	0	0	0.0	Không	Vắng
75	27217143120	Lê Quang	Vinh	HRM 303 B	7	5	8.3	1.7	0.0	Không	
76	28214724190	Nguyễn Quang	Vũ	HRM 303 B	9	7.8	9	2.7	5.3	Năm phẩy ba	
77	30208133237	Nguyễn Thị Kim	Vy	HRM 303 B	6.5	7	8	3.1	5.0	Năm	
78	30208053091	Huỳnh Thị Như	Ý	HRM 303 B	6.5	5	8	2.6	4.3	Bốn phẩy ba	
79	30208053966	Nguyễn Thị Thanh	Yên	HRM 303 B	7.5	8.3	8.5	1.1	4.3	Bốn phẩy ba	
80	29218160726	Trần Việt Hoàng	Ân	HRM 303 D	8	7.9	8.3	4.1	5.9	Năm phẩy chín	
81	29204936455	Nguyễn Kim	Anh	HRM 303 D	5.5	4.2	8	4.8	5.2	Năm phẩy hai	
82	29208053527	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	HRM 303 D	6.5	7	7.8	3.1	4.9	Bốn phẩy chín	
83	29208062958	Nguyễn Thị Kim	Anh	HRM 303 D	4.5	6.3	8.5	2.7	4.5	Bốn phẩy năm	
84	29208124692	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	HRM 303 D	7.5	7.6	9.5	2.6	5.1	Năm phẩy một	

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		A	L	M	F	SỐ	CHỮ	
85	29218125070	Dương Văn	Duy	HRM 303 D	7.5	6	8	1.3	0.0	Không	
86	29208055970	Đỗ Hoàng Mỹ	Duyên	HRM 303 D	9.5	9.5	9	4.3	6.6	Sáu phẩy sáu	
87	29208063732	Huỳnh Thị Thúy	Hà	HRM 303 D	9.5	9.5	9	1.8	5.2	Năm phẩy hai	
88	29208156440	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	HRM 303 D	2	0	0	0	0.0	Không	Vắng
89	30204359838	Trần Phạm Mỹ	Hiền	HRM 303 D	8	8.6	9	1.5	4.7	Bốn phẩy bảy	
90	29218063766	Trần Văn	Hùng	HRM 303 D	9	9.5	9.5	2.9	5.8	Năm phẩy tám	
91	30218132506	Nguyễn Bá	Hùng	HRM 303 D	0	0	0	0	0.0	Không	Vắng
92	29208058425	Ung Thị Mai	Hương	HRM 303 D	10	7.9	8.5	2.5	5.2	Năm phẩy hai	
93	30208358417	Đào Trần Quỳnh	Hương	HRM 303 D	8	8.9	8.5	2.6	5.3	Năm phẩy ba	
94	29218051983	Trần Đỗ Đình	Huy	HRM 303 D	3	8.8	8.5	2.3	4.6	Bốn phẩy sáu	
95	29208038237	Huỳnh Thị Kim	Khánh	HRM 303 D	8	9.5	8	0	0.0	Không	Vắng
96	30218045867	Đặng Trần Huy	Khoa	HRM 303 D	0	0	0	0	0.0	Không	Vắng
97	29218120361	Nguyễn Trương	Kiên	HRM 303 D	0	0	0	0	0.0	Không	Nợ HP
98	26207141723	Nguyễn Đào Hoàng	Lan	HRM 303 D	5	6.3	8.5	4.3	5.4	Năm phẩy bốn	
99	29208121503	Phạm Ngọc	Linh	HRM 303 D	9	9.5	9.5	5.6	7.3	Bảy phẩy ba	
100	29218025241	Lưu Nguyễn Hoàng	Long	HRM 303 D	2	1.8	0	0	0.0	Không	Vắng
101	29208163050	Lê Nguyễn Tuyết	Ngân	HRM 303 D	8.5	9.5	8.5	2.7	5.5	Năm phẩy năm	
102	30208051534	Lê Nguyễn Thảo	Nguyên	HRM 303 D	2	1.8	7	1.2	0.0	Không	
103	30218164582	Nguyễn Anh	Nguyên	HRM 303 D	0	0	0	0	0.0	Không	Nợ HP
104	29208048032	Huỳnh Thị Thanh	Nhã	HRM 303 D	10	9.5	8	1.9	5.1	Năm phẩy một	
105	28208036974	Võ Thị Tuyết	Nhi	HRM 303 D	3.5	2.4	8	0	0.0	Không	Vắng
106	28208154886	Lê Trương Thục	Nhi	HRM 303 D	4	3.2	8	0	0.0	Không	Vắng
107	29208151131	Nguyễn Thị Ý	Nhi	HRM 303 D	8	9	8.3	4.2	6.2	Sáu phẩy hai	
108	29208156162	Nguy Như Yến	Nhi	HRM 303 D	8	4.5	8.8	5.3	5.9	Năm phẩy chín	
109	29206664139	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	HRM 303 D	8.5	9.5	9.5	4.3	6.5	Sáu phẩy năm	
110	29208063142	Nguyễn Kim	Oanh	HRM 303 D	10	8	8.8	2.3	5.2	Năm phẩy hai	
111	29218134676	Phan Lê Vinh	Phú	HRM 303 D	10	6	8.8	2.6	5.0	Năm	
112	29208146857	Phạm Thị Kim	Phước	HRM 303 D	9.5	9.5	9.3	2.7	5.7	Năm phẩy bảy	
113	29208141147	Nguyễn Thị	Phương	HRM 303 D	9.5	8.8	8.3	2.5	5.3	Năm phẩy ba	
114	29218034228	Huỳnh Thanh	Quốc	HRM 303 D	6	7.6	8.8	5.8	6.6	Sáu phẩy sáu	
115	29208041929	Phùng Thị Thúy	Quyên	HRM 303 D	9.5	8.8	8	2.5	5.3	Năm phẩy ba	
116	27217127410	Võ Công Thái	Tài	HRM 303 D	6.5	4.4	8.8	3.8	4.9	Bốn phẩy chín	
117	29208063447	Trần Thị Thanh	Tâm	HRM 303 D	9	9.5	8.8	4.5	6.6	Sáu phẩy sáu	
118	30208058307	Nguyễn Trần Vi	Thào	HRM 303 D	7	8.9	8.3	1.9	4.8	Bốn phẩy tám	
119	30210324656	Vũ Thị Thanh	Thào	HRM 303 D	9.5	9.5	8.5	2.7	5.6	Năm phẩy sáu	
120	28218054212	Trần Văn	Tĩnh	HRM 303 D	3.5	6.3	6.8	0.4	0.0	Không	
121	27207200980	Trịnh Thị Huyền	Trang	HRM 303 D	0	0	0	0	0.0	Không	Nợ HP
122	28208020923	Hồ Quỳnh	Trang	HRM 303 D	8.5	6	8.8	2.2	4.6	Bốn phẩy sáu	
123	29208155395	Lê Thị Đoan	Trang	HRM 303 D	10	9.5	9	5.7	7.4	Bảy phẩy bốn	
124	30208062934	Võ Thị Hoài	Trang	HRM 303 D	8.5	8.6	8.5	1.8	4.8	Bốn phẩy tám	
125	29208138458	Nguyễn Tú	Trinh	HRM 303 D	10	8.8	8.3	3.5	5.9	Năm phẩy chín	
126	29208148189	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	HRM 303 D	8.5	6	8.8	4.4	5.8	Năm phẩy tám	
127	28204605469	Trần Mai Tú	Uyên	HRM 303 D	8.5	9.5	8.3	2.7	5.5	Năm phẩy năm	
128	28218205991	Nguyễn Phan Thanh	Uyên	HRM 303 D	5.5	6.3	8	3.5	4.9	Bốn phẩy chín	

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		A	L	M	F	SỐ	CHỮ	
129	29208049177	Nguyễn Thị Tú	Uyên	HRM 303 D	10	9.5	8.8	7.6	8.4	Tám phẩy bốn	
130	28208047682	Nguyễn Thị Hoàng	Ví	HRM 303 D	8.5	9.5	9	3.7	6.1	Sáu phẩy một	
131	29208222719	Nguyễn Trà	Vinh	HRM 303 D	4.5	6.7	8.5	2.6	4.5	Bốn phẩy năm	
132	29212758239	Nguyễn Thế	Vinh	HRM 303 D	7	8.5	8.8	4.2	6.0	Sáu	
133	29208138083	Bùi Thị Hải	Yến	HRM 303 D	9.5	6	9.3	5.3	6.5	Sáu phẩy năm	
134	30208362997	Nguyễn Hồ Hải	Yến	HRM 303 D	8.5	8.9	8	2.5	5.2	Năm phẩy hai	
135	29204659186	Phạm Thị Hoài	An	HRM 303 F	6.5	6	8	5.3	6.0	Sáu	
136	28208052678	Nguyễn Thị Vân	Anh	HRM 303 F	7.5	6	8.3	2.5	4.6	Bốn phẩy sáu	
137	28212729847	Nguyễn Hồ Duy	Anh	HRM 303 F	5.5	3.5	9.5	3.5	4.6	Bốn phẩy sáu	
138	29218123289	Ngô Văn Quốc	Anh	HRM 303 F	8.5	7	8.8	2.1	4.7	Bốn phẩy bảy	
139	29218124386	Dương Văn	Bào	HRM 303 F	10	7	9.8	2.8	5.4	Năm phẩy bốn	
140	28208104075	Huỳnh Nguyễn Cẩm	Bình	HRM 303 F	8.5	8.5	9.3	1.3	4.7	Bốn phẩy bảy	
141	29208063687	Lê Thị Ngọc	Chi	HRM 303 F	10	8.7	8.3	3	5.6	Năm phẩy sáu	
142	29218058428	Lê Văn	Chương	HRM 303 F	5.5	7.2	8.3	2.7	4.7	Bốn phẩy bảy	
143	28208144192	Nguyễn Thị Anh	Đào	HRM 303 F	5	3.5	9	2.7	4.0	Bốn	
144	29218124096	Nguyễn Thành	Đạt	HRM 303 F	9	4.3	9	6	6.4	Sáu phẩy bốn	
145	29208046739	Nguyễn Thị	Dịu	HRM 303 F	8	9	8.5	7.8	8.2	Tám phẩy hai	
146	28208202722	H Bùi Bắc	Êban	HRM 303 F	5	7	8	4.3	5.5	Năm phẩy năm	
147	30206659443	Huỳnh Phương Việt	Hà	HRM 303 F	9	8.2	9.3	4.5	6.4	Sáu phẩy bốn	
148	29218058433	Nguyễn Thế	Hải	HRM 303 F	6.5	8.1	9.5	2.4	5.0	Năm	
149	30204655643	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	HRM 303 F	9.5	8.4	9.5	1.1	4.7	Bốn phẩy bảy	
150	29208137514	Trần Hiền	Hậu	HRM 303 F	7	3.8	8	7.6	6.8	Sáu phẩy tám	
151	29218034482	Lê Duy	Hậu	HRM 303 F	8	6.8	8.5	8.2	7.9	Bảy phẩy chín	
152	29208129492	Phạm Thị Thanh	Hiền	HRM 303 F	9.5	9	9.8	3.6	6.2	Sáu phẩy hai	
153	29208051678	Trần Thị Kim	Hiếu	HRM 303 F	7	7.8	8.5	2.4	4.9	Bốn phẩy chín	
154	29204520892	Đinh Thị Kim	Hoa	HRM 303 F	10	9	10	7.3	8.3	Tám phẩy ba	
155	28208400888	Hoàng Thị	Huệ	HRM 303 F	8.5	7.6	8.5	1.7	4.6	Bốn phẩy sáu	
156	29214865163	Lê Tấn	Huy	HRM 303 F	4	0	0	0	0.0	Không	Vắng
157	30218062788	Nguyễn Minh	Huy	HRM 303 F	5	4.2	8	2	0.0	Không	
158	29205142292	Châu Mai Ngọc	Huyền	HRM 303 F	8.5	7.1	9	2	4.7	Bốn phẩy bảy	
159	29208000033	Phạm Thị Bích	Huyền	HRM 303 F	8.5	8.1	9	1.9	4.9	Bốn phẩy chín	
160	30211124444	Trương Công Quốc	Khánh	HRM 303 F	8.5	9	8.5	1.5	4.8	Bốn phẩy tám	
161	30218048895	Phan Lê	Khiêm	HRM 303 F	9.5	7	8.8	2.5	5.0	Năm	
162	29207400060	Nguyễn Thị Minh	Khuê	HRM 303 F	9.5	9	9.3	7.3	8.2	Tám phẩy hai	
163	29208058432	Ngô Quỳnh	Liên	HRM 303 F	8.5	9	9.5	4.9	6.8	Sáu phẩy tám	
164	29208030487	Đặng Bích	Liễu	HRM 303 F	10	9	9.5	7.6	8.4	Tám phẩy bốn	
165	29208144980	Phan Thị Ái	Linh	HRM 303 F	8.5	7.1	8.8	1.9	4.6	Bốn phẩy sáu	
166	30206621519	Võ Khánh	Linh	HRM 303 F	10	7	9.5	4.9	6.5	Sáu phẩy năm	
167	29206759423	Kinh Thị Cẩm	Ly	HRM 303 F	9	9	9	5.6	7.1	Bảy phẩy một	
168	29204663851	Trương Thị Diễm	My	HRM 303 F	10	9	10	5.4	7.3	Bảy phẩy ba	
169	29208026557	Phan Hoàng	My	HRM 303 F	10	9	9.3	9.1	9.2	Chín phẩy hai	
170	30206659536	Phạm Quỳnh	My	HRM 303 F	9	8.2	8	7.4	7.8	Bảy phẩy tám	
171	30212353939	Phan Quang	Nam	HRM 303 F	5	7.7	9.3	2.1	4.6	Bốn phẩy sáu	
172	29204643719	Phạm Thị Thanh	Nga	HRM 303 F	10	9.5	9.8	4.8	7.0	Bảy	

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		A	L	M	F	SỐ	CHỮ	
173	29208046704	Lê Kim	Ngân	HRM 303 F	9.5	9	9	7.9	8.4	Tám phẩy bốn	
174	28208045018	Trần Thị Ánh	Ngọc	HRM 303 F	9.5	9	8.8	5.9	7.3	Bảy phẩy ba	
175	30206621554	Võ Thị Như	Ngọc	HRM 303 F	7.5	7	9	1.4	4.3	Bốn phẩy ba	
176	29204864480	Trần Minh	Nguyệt	HRM 303 F	9.5	9.5	9	6.2	7.6	Bảy phẩy sáu	
177	28208142266	Nguyễn Minh	Nhật	HRM 303 F	5	7.7	8.5	0.6	0.0	Không	
178	28208026303	Nguyễn Trần Quỳnh	Nhi	HRM 303 F	8.5	8.1	8.3	1.5	4.5	Bốn phẩy năm	
179	29208056172	Nguyễn Thị Vân	Nhi	HRM 303 F	0	0	0	0	0.0	Không	Vắng
180	29208056175	Trần Ánh	Nhi	HRM 303 F	8	9	8.5	5.2	6.7	Sáu phẩy bảy	
181	29208053283	Lâu Huỳnh Tố	Như	HRM 303 F	8	9	8.8	6.5	7.5	Bảy phẩy năm	
182	29208053461	Trần Thị Hoài	Như	HRM 303 F	6	5.4	8.8	6.5	6.6	Sáu phẩy sáu	
183	27217130082	Lê Văn	Phú	HRM 303 F	6.5	4.9	8	2	0.0	Không	
184	29218150361	Nguyễn Thành	Phúc	HRM 303 F	9	8.6	8	1.2	4.5	Bốn phẩy năm	
185	29208063054	Hồ Nguyễn Hoài	Phương	HRM 303 F	8	7.6	8	6.3	7.0	Bảy	
186	29208138370	Lê Thị Như	Quỳnh	HRM 303 F	9.5	7.5	8	1.8	4.6	Bốn phẩy sáu	
187	30208237856	Niê H Mi	Sa	HRM 303 F	8	8.2	7.8	4.9	6.3	Sáu phẩy ba	
188	28206502136	Nguyễn Thị Cẩm	Sương	HRM 303 F	3	6.3	8.8	1	0.0	Không	
189	29208063444	Phan Thị Thu	Sương	HRM 303 F	9	7.8	8.3	3	5.4	Năm phẩy bốn	
190	29208163237	Phan Thị Thanh	Thanh	HRM 303 F	7.5	8.6	7.5	1.6	4.5	Bốn phẩy năm	
191	28208406653	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	HRM 303 F	8.5	8.5	8.8	1.9	4.9	Bốn phẩy chín	
192	29218141561	Trần Quốc	Thiên	HRM 303 F	9	3.5	7	5.2	5.5	Năm phẩy năm	
193	29208064944	Trần Thị Anh	Thư	HRM 303 F	9.5	9.5	8.8	4.2	6.5	Sáu phẩy năm	
194	29208124979	Nguyễn Minh	Thư	HRM 303 F	10	9	9.5	5.2	7.1	Bảy phẩy một	
195	29208030215	Nguyễn Thị Diệu	Thúy	HRM 303 F	8	9	8.5	3.1	5.6	Năm phẩy sáu	
196	29208063585	Dương Thị	Thúy	HRM 303 F	9.5	7.8	8.5	1.2	4.4	Bốn phẩy bốn	
197	29208050503	Huỳnh Thị Ngọc	Trà	HRM 303 F	10	7.8	8	2.4	5.1	Năm phẩy một	
198	29208145757	Trần Thị Thùy	Trâm	HRM 303 F	10	9	9.8	2.5	5.6	Năm phẩy sáu	
199	29208146515	Huỳnh Nguyễn Thị M	Trâm	HRM 303 F	6.5	5.7	7.3	2.4	4.2	Bốn phẩy hai	
200	29218062759	Phan Bá Minh	Trí	HRM 303 F	10	9	8.5	4.3	6.4	Sáu phẩy bốn	
201	30218058344	Trần Văn	Triều	HRM 303 F	2	0	0	0	0.0	Không	Vắng
202	29208025797	Lê Vũ Kiều	Trinh	HRM 303 F	9	9	9	6.4	7.6	Bảy phẩy sáu	
203	29208129548	Bùi Đoàn Tú	Trinh	HRM 303 F	10	7.5	8.8	2.9	5.4	Năm phẩy bốn	
204	29208042705	Nguyễn Thị Thanh	Tú	HRM 303 F	10	8.7	8.8	3	5.7	Năm phẩy bảy	
205	30218158156	Nguyễn Lê	Tú	HRM 303 F	9	8.4	8.3	1.7	4.8	Bốn phẩy tám	
206	27217129389	Trần Quốc	Tuấn	HRM 303 F	8.5	9	8.5	3.4	5.8	Năm phẩy tám	
207	29218164758	Trương Nguyễn Anh	Tuấn	HRM 303 F	8	8.6	9.3	1.7	4.9	Bốn phẩy chín	
208	30211146029	Đông Quốc	Tuấn	HRM 303 F	8.5	7	8.3	1.4	4.3	Bốn phẩy ba	
209	30208022786	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	HRM 303 F	6	4.9	7.3	1.7	0.0	Không	
210	29218137299	Nguyễn Thanh	Tuyn	HRM 303 F	9	8.5	8.3	2.4	5.2	Năm phẩy hai	
211	29201355558	Võ Thị Thúy	Vân	HRM 303 F	7	9	8.5	2.5	5.2	Năm phẩy hai	
212	29209245937	Nguyễn Thị	Vân	HRM 303 F	10	9.5	8.8	4.9	6.9	Sáu phẩy chín	
213	28218000892	Nguyễn Trần Anh	Vinh	HRM 303 F	2	6.3	8.3	1.2	0.0	Không	
214	29218154911	Trần Đức	Vũ	HRM 303 F	9.5	4.5	8	1.5	0.0	Không	
215	27207141579	Nguyễn Xuân Đan	Vy	HRM 303 F	4	0	0	0	0.0	Không	Nợ HP
216	29208054106	Trịnh Thị Yến	Vy	HRM 303 F	10	8.7	10	2.3	5.5	Năm phẩy năm	

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		A	L	M	F	SỐ	CHỮ	
217	30207357753	Nguyễn Thị Yến	Vy	HRM 303 F	10	7.5	9.3	9.1	8.9	Tám phẩy chín	
218	29208041617	Nguyễn Thùy Như	Ý	HRM 303 F	10	8.7	6.5	1.4	4.5	Bốn phẩy năm	
219	30204557513	Lê Trần Như	Ý	HRM 303 F	9	8.2	8	5	6.5	Sáu phẩy năm	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỈ LỆ	GHI CHÚ
Số Sinh viên đạt	178	81.28%	
Số Sinh viên nợ	41	18.72%	
TỔNG CỘNG	219	100%	

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 06 năm 2026

TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO

HT. TRƯỜNG ĐÀO TẠO

PHÒNG TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BẢNG